TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2022/DS-PT
Ngày 22 – 02 – 2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng xây dựng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Hoàng.

Bà Bùi Thị Phương Loan.

-*Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Trọng Bằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2021/TLPT-DS ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc yêu cầu yêu cầu Tranh chấp hợp đồng xây dựng"

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2021/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn H1, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C . (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Võ Bé N – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ: Khóm 9, thị t, huyện T, tỉnh C . (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Văn H2, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh C . (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lê Văn K, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh C . (Có mặt)

2/ Bà Lý Thị H3, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C . (Có mặt)

- *Người kháng cáo*: Ông Trần Văn H2 là bị đơn và ông Lê Văn K là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2020 của nguyên đơn và lời trình bày tại phiên toà:* Ông H1 và ông H2 có thiết lập hợp đồng xây dựng nhà ở, ông H2 là người xây. Nội dung hợp đồng thỏa thuận xây dựng nhà cấp 4, lợp mái thái, giá tiền công xây dựng 01 m^2 = 1.100.000 đồng và xây dựng nhà sau, giá tiền công xây dựng 01 m^2 = 500.000 đồng, Tổng tiền công là 174.000.000 đồng, ông H1 đã giao ông K số tiền 154.000.000 còn lại 20.000.000 đồng chưa trả việc xây nhà không có giấy phép và hồ sơ thiết kế xây dựng.

Khi tiến hành xây dựng, ông H2 và ông K cùng làm được vài ngày, thì ông H2 không làm, ông H2 nói giao ông K và cam kết chịu trách nhiệm với ông H1. Ông K là người tiếp tục xây dựng toàn bộ 02 căn nhà. Quá trình xây dựng ông H1 trả tiền công, tiền tạm ứng cho ông K. Nhà xây dựng khoảng 01 tháng 20 ngày thì hoàn thành, sau đó phát hiện nhà bị nứt tường ông K có sửa chữa, nhưng nhà vẫn bị nứt, ông H1 yêu cầu ông H2 qua sửa chữa, ông H2 kêu ông K qua sửa tiếp nhưng cũng không khắc phục được và các bên xảy ra tranh chấp.

Nguyên nhân nền bị lún và nứt tường là do ông K thực hiện việc xây dựng nhà không đúng quy cách và kết cấu như hợp đồng, đà móng không đỗ đủ, mà sắp đá lăm le, đỗ bê tông rồi xây lên, thợ làm nền móng không đảm bảo chất lượng, không có đỗ đà ép bên trên các đầu vách tường, không có đà dằn ở phần cửa sổ, khi hợp đồng có thỏa thuận làm nền đỗ 04 cây đà, nền có 23 lỗ mỗi lỗ 25 cây cừ tràm loại lớn hơn 20 cm. Quá trình làm nền thì ông H1 có giám sát thấy ông K chỉ lăm le đá sau đó đỗ đà, ông H1 không đồng ý và có nói với ông K thì ông K nói bảo đảm, nên ông H1 đồng ý cho làm tiếp. Thiệt hại nhà ông H1 xác định là 574.000.000 đồng (do ông H1 tự tính). Ông H1 có thay đổi yêu cầu buộc ông H2 và ông K bồi thường tổng số tiền 140.000.000 đồng và xác định ông H2 có lỗi 01 phần đối với thiệt hại. Đối với số tiền công 20.000.000 đồng trả toàn bộ chi phí tố tụng ông H1 đã nộp và thực hiện xong. Đối với số tiền không đồng ý đối trừ vì trước đây khi sửa chữa lại nhà thì ông H1 có bỏ ra một khoản tiền để mua vật tư, đề nghị tách ra sau này có tranh chấp sẽ yêu cầu sau.

- *Lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:* Ông H2 nhận dùm cho ông K làm nhà cho ông H1, khi đó có ông H1 nghe và ông H1 đồng ý, sau đó ông K đồng ý xây dựng nhà cho ông H1, quá trình xây dựng là ông H1 và ông K trực tiếp chứ ông H2 không có liên quan.

Lúc ông H2 nhận làm nhà cho ông H1 thì kết cấu và kiểu nhà khác, khi ông K làm thì xây dựng kết cấu và kiểu nhà khác. Sau khi ông K xây dựng nhà xong, thì nhà có bị nứt tường hư hỏng và ông K đã sửa lại nhiều lần và hẹn đến tháng 07/2020 sẽ sửa lại nhà, đến tháng 07/2020 ông H2 kêu ông K qua sửa lại nhà nhưng ông H1 không đồng ý. Nguyên nhân nhà ông H1 bị hư hỏng do móng nền không có đỗ đà móng (mà chỉ đỗ đá 4x6 và trải sắt) và đà dằn có chỗ không đỗ nên ảnh hưởng. Ông H2 đồng ý hỗ trợ 01 phần (trong tổng 10 phần thiệt hại theo kết luận

giám định của cơ quan giám định sau này). Đối với số tiền ông H1 đặt ra ông H2 không đồng ý.

Ông H2 xác định việc ông K không đổ đà móng ông không biết và ông H1 biết mà cũng không báo cho ông H2 và nhà xây dựng không đúng như thiết kế kiểu dáng theo hợp đồng ban đầu. Đồng thời, xác định khi ông H1 trả tiền cho ông K thì có gọi điện hỏi ông H2 02 lần và ông H2 có kêu ông H1 trả cho ông K. Ông H2 chỉ đồng ý bồi thường số tiền 20.000.000 đồng. Còn tiền chi phí tố tụng ông K phải chịu.

- *Lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn K có tại hồ sơ, thể hiện:* Ông K nhận xây nhà ông H1, thông qua ông H2, khi đó có ông H1 biết và đồng ý, ông K và ông H1 không có làm hợp đồng, ông K hoàn thành nền móng bằng việc lăm le đỗ đá 4 x 6 và trải sắt 16, thời điểm này ông H1 có kêu xáng cuốc vô múc đất lắp nền đang xây (vị trí múc cách nhà 02 mét), lúc này ông K nói với ông H1 việc múc đất như vậy là sẽ ảnh hưởng đến nền móng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông H1 yêu cầu xây dựng lại mẫu nhà khác loại cấp 4, lợp mái thái kiểu khác. Xây dựng đến ngày 19/12/2019 âm lịch thì bàn giao nhà cho ông H1, sau đó ông H1 đi xem lại nhà và không có ý kiến gì, khoảng 05 ngày sau ông H1 điện báo cho ông K hay nhà bị nứt 01 bên vách tường, ông K đã khắc phục sửa chữa, sau đó ông H1 báo nứt vách tường phòng, nhiều nơi ông K tiếp tục qua sửa chữa nhiều lần, ông K và ông H2 có sửa lại vào tháng 02/2020, khi sửa chữa đợt này được vài ngày thì ông H1 kêu xáng cuốc múc đất lắp nền nhà, vị trí múc đất cách nhà khoảng 02 mét, sau đó ông H1 báo nền bị lún, ông K cùng ông H2 qua xem và hẹn ông H1 đến tháng 7/2020 sẽ sửa chữa lại, đến tháng 07/2020 qua sửa chữa thì ông H1 không cho, nên tranh chấp. Hợp đồng xây dựng nhà giữa ông H1 và ông H2 có hợp đồng 04 giàn đà. Nguyên nhân nhà bị lún theo ông K xác định là do chấn động từ việc xáng cuốc ảnh hưởng đến phần đế móng ông K trải sắt và lăm le đá 4x6 và do việc đỗ đà dằn của căn nhà thiếu mới có thiệt hại. Ông K xác định có xây dựng nhà không theo đúng hợp đồng về các giàn đà, nhưng việc ông K thực hiện là đủ chất lượng, ngoài ra quá trình xây dựng thì có thay đổi nhiều thiết kế có ảnh hưởng đến căn nhà.

Ông K đồng ý bồi thường 01 phần (trong tổng 10 phần thiệt hại theo kết luận giám định của cơ quan giám định). Đối với số tiền ông H1 đặt ra ông K không đồng ý. Đồng ý đối trừ số tiền 20.000.000 đồng tiền công vào tiền 01 phần bồi thường thiệt hại.

- *Lời trình bày của Lý Thị H3:* Thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của ông H1. Đồng thời, đồng ý giao toàn quyền quyết định và yêu cầu cho ông H1 thực hiện.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2021/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời:

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn H1.

Buộc Trần Văn H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn K có trách nhiệm liên đới bồi thường cho nguyên đơn Huỳnh Văn H1 số tiền 75.564.000 đồng (mỗi người phải bồi thường 37.782.000 đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Văn H1 với số tiền yêu cầu bồi thường 64.440.000 đồng.

Chi phí tố tụng: Buộc bị đơn ông Trần Văn H2 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Huỳnh Văn H1 số tiền là 8.662.000 đồng. Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn K có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Huỳnh Văn H1 số tiền là 8.662.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 19/5/2021 ông Trần Văn H2 là bị đơn trong vụ án kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm không đồng ý bồi thường lý do Lê Văn K nhận thầu và Kết nhận tiền bị đơn không đồng ý bồi thường.

Ngày 26/5/2021 Lê Văn K kháng cáo không đồng ý bồi thường vì chỉ là thợ hồ làm thuê, theo phân công của ông H2. Ông H2 kêu như thế nào làm như thế đó, ông H1 cũng đã thừa nhận nhiệm thu, nguyên nhân sụp lún nhà, nứt nhà do ông H1 đưa sáng cuốc làm ảnh hưởng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Huỳnh Văn H1 là nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Việc gây thiệt hại cho nhà ông H1 là lỗi trực tiếp của ông H2 và ông K, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông K và ông H2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 96/2021/DS-ST ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời. Theo hướng chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn H2; Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Trần Văn H2 và Lê Văn K Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tại báo cáo kết quả khảo sát hiệt trạng, thiết kế bản vẽ thi công dự toán cải tạo sửa chữa công trình của Trung tâm quy hoạch và kiểm định xây dựng thuộc sở xây dựng tỉnh thể hiện: Giá trị dự toán sửa chửa nhà ông Huỳnh Văn H1 là 83.960.000đ.

Ông H2 chấp nhận có lỗi một phần và tự chịu 01 phần trong số tiền theo dự toán, ông K cũng xác định có một phần lỗi và tự chịu bồi thường số tiền 5.000.000đ.

Cấp sơ thẩm đã tiến hành thẩm định tại chỗ và trưng cầu giám định đến Cơ quan chuyên môn nhưng cũng không xác định được nguyên nhân chính gây thiệt hại. Quá trình xây dựng ông Lê Văn K thừa nhận khi xây dựng nhà, không có đổ đà móng bên dưới đầy đủ mà chỉ lăm le đá trãi sắt 16 x 02 cây rồi đổ bê tông 10 phân, chỗ nào có diện tích rộng thì mới đổ đà dằn, còn chỗ nào hẹp thì không đổ đây là nguyên nhân chính gây sụp lún, nứt tường vì không theo đúng kết cấu. Nhà của ông H1 cũng không có bản vẽ thiết kế tiêu chuẩn qui cách xây dựng, đồng thời theo trình bày của ông K khi xây dựng nhà có sự thay đổi thiết kế, trong khi khung nền chịu lực của căn nhà không đảm bảo vì vậy ảnh hưởng căn nhà là lẽ đương nhiên.

[2] Xét về lỗi gây ra thiệt hại là lỗi hổn hợp, lẽ ra chia 3 phần bằng nhau. Song, quá trình xây dựng ông K là người xây dựng cam kết với ông H1 là bảo đảm, còn ông H2 người ký hợp đồng cam kết là chịu trách nhiệm. Trong quá trình sửa chữa ông H1 là chủ nhà đã bỏ tiền mua vật tư để sửa chữa lại nhiều lần, chi phí sửa chữa này chưa tính vào các khoản thiệt hại của căn nhà, quá trình sau này, căn nhà có thiệt hại tiếp tục nữa hay không điều này chưa thể biết được.

Ông H2 và ông H1 là người trực tiếp ký kết hợp đồng, nhưng khi đưa ông K vào xây dựng nhà cho ông H1 giữa ba bên không có sự thỏa thuận trao đổi cùng ông H1. Vì vậy ông H2 là chủ thể giao dịch, người trực tiếp ký kết cho nên ông H2 phải có trách nhiệm với việc ký kết của mình. Quá trình thanh toán, tạm ứng ông H1 giao tiền cho ông K, ông K lại cho là làm thuê, giữa ba người không có một hợp đồng thỏa thuận nào khác. Như vậy giữa ông H2 và ông K phải có trách nhiệm liên đới ngang nhau.

Trong quá trình xây dựng nhà thì ông H1 là người trực tiếp giám sát việc thi công xây dựng, không giao cho cá nhân tổ chức nào khác, lẽ ra phải thuê người nắm kỷ thuật giám sát công trình, khi ông H1 biết được ông K không thực hiện đổ đà móng và không đổ đầy đủ đà dằn lẽ ra ông H1 phải yêu cầu ông K tạm dừng xây dựng để thỏa thuận lại, nhưng ông H1 không yêu cầu tạm dừng mà chỉ vì tin tưởng theo lời nói của ông K, mặc nhiên cho ông K tiếp tục xây dựng nhà đồng thời thay đổi một phần kết cấu, nên mới gây ra thiệt hại nhà bị nứt tường và sụp lún.

[3] Tại tòa ông K có cho là ông H1 đưa xáng cuốc vào múc đất để đắp nền nhà cách tường 02m cho nên ảnh hưởng nền móng, điều này chưa có cơ sở căn cứ gì để chứng minh. Thực tế thiệt hại căn nhà của ông H1 là cao hơn so với khảo sát của trung tâm khảo sát vì giá vật tư có chênh lệch. Cấp sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn với số tiền 64.440.000đ và nguyên đơn phải tự chịu một phần tương đương 8.3960.000đ trong số tiền thiệt hại theo dự toán, chỉ buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bồi thường mỗi người là 37.782.000đ là có căn cứ ở mức tương đối phù hợp với lỗi của các bên. Nếu tính tổng thiệt hại thì nguyên đơn là người chịu thiệt hại nhiều hơn so với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đó cũng là phần lỗi của nguyên đơn. Tại

phiên tòa người kháng cáo là bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đưa ra chứng cứ nào, để chứng minh cho việc kháng cáo của mình, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với số tiền công 20.000.000đ chưa thanh toán, ông H1 thừa nhận còn nợ ông K, không đồng ý đối trừ trong phần thiệt hại trong vụ án này công trình xây xong đã phát sinh tranh chấp. Ông H1, ông H2, ông K cũng không có yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập trong vụ án nên tách ra, trường hợp sau này giữa các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về chi phí tố tụng ông H1 đã nộp số tiền 400.000đ xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí giám định dự toán sửa chữa là 14.848.000đ ông H2 và ông K phải trả lại cho ông H1.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm chấp nhận kháng cáo của ông H2, buộc ông H2 bồi thường một phần trong số tiền thiệt hại 83.960.000đ tương đương 8.396.000đ; không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn K. Xét thấy theo phân tích trên về mức độ thiệt hại, về lỗi của các bên tham gia ký kết hợp đồng và tỷ lệ bồi thường như trên là hoàn toàn có căn cứ. nên việc đề nghị này chưa thuyết phục.

[6] Án phí:

Án phí dân sự có giá ngạch ông H2 và ông K phải nộp theo qui định pháp luật

Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông H2, ông K phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn H2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn K. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2021/DS-ST ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn thời

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn H1.

Buộc bị đơn Trần Văn H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn K có trách nhiệm liên đới bồi thường cho nguyên đơn Huỳnh Văn H1 số tiền 75.564.000 đồng (Mỗi người phải bồi thường 37.782.000 đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Văn H1 với số tiền yêu cầu bồi thường 64.440.000 đồng.

3. Chi phí tố tụng:

Buộc bị đơn ông Trần Văn H2 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Huỳnh Văn H1 số tiền là 8.662.000 đồng.

Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn K có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Huỳnh Văn H1 số tiền là 8.662.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền trên , thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch: Ông Trần Văn H2 phải nộp là 1.889.100 đồng. Ông Lê Văn K phải nộp là 1.889.100 đồng. Ông Huỳnh Văn H1 thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông H2 và ông K mỗi người phải nộp 300.000đ. Ngày 19/5/2021 Ông H2 đã dự nộp tạm ứng số tiền 300.000đ (lai số 0004976); Ngày 26/5/2021 ông Kết đã dự nộp tạm ứng số tiền 300.000đ (lai số 0004989) tại Chi Cục Thi hành án huyện Trần Văn Thời được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;*
- *Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu VT(TM:TANDTCM).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Hùng Quang

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Châu Minh Hoàng **Bùi Thị Phương Loan** **Dương Hùng Quang**